

Số: 04/BC-KTĐBCL&TTGD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO
về kết quả khảo sát ý kiến đánh giá khóa học của sinh viên đại học khóa 04

Kính gửi: Ban Giám hiệu;
Trưởng các đơn vị trực thuộc trường.

Thực hiện Kế hoạch số 315/KH-TĐHTPHCM ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục năm 2019;

Căn cứ các phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên trước khi tốt nghiệp về việc đánh giá khóa học, Phòng Khảo thí, Đảm bảo chất lượng và Thanh tra giáo dục xin được báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến như sau:

I, Mục đích khảo sát

Khảo sát ý kiến đánh giá khóa học của sinh viên trước khi tốt nghiệp nhằm mục tiêu đào tạo sinh viên tốt nghiệp ra trường có đủ kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của thị trường lao động.

II, Quá trình thực hiện

1, Đối tượng và phạm vi khảo sát

- Đối tượng: khảo sát sinh viên đại học khóa 04 trước khi tốt nghiệp
- Phạm vi khảo sát: sinh viên đánh giá chất lượng đào tạo và các tiêu chí quan trọng giúp sinh viên ra trường tìm được việc làm

2, Phương pháp

Phòng KT, ĐBCL&TTGD triển khai lấy ý kiến phản hồi bằng cách sử dụng Phiếu khảo sát trực tuyến được đăng trên fanpage và website của Phòng Khảo thí, ĐBCL&TTGD, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh:

<https://bitly.vn/t2e>

Phòng KT, ĐBCL&TTGD ra thông báo về việc thực hiện Phiếu đánh giá khóa học kèm theo thông báo nộp chứng chỉ Tiếng Anh và Tin học để xét tốt nghiệp.

3, Thời gian khảo sát: từ 08/3/2019 - 31/5/2019

III, Thống kê kết quả

1, Cách thống kê kết quả

Phiếu khảo sát gồm 45 câu hỏi, bao gồm 05 nội dung: (1) Chất lượng của ngành/chuyên ngành đào tạo; (2) Hoạt động dạy học – nghiên cứu khoa học; (3)

Nguồn lực học tập và các hoạt động hỗ trợ; (4) Đánh giá chung về kết quả đào tạo; (5) Ý kiến về các tiêu chí quan trọng nhất giúp sinh viên ra trường tìm được việc làm,

- Mỗi câu hỏi có 4 mức đánh giá, được ký hiệu các số tương ứng từ 1 – 4:

- 1, Không đồng ý (kém)
- 2, Phân vân (bình thường)
- 3, Đồng ý (tốt)
- 4, Hoàn toàn đồng ý (rất tốt)

2, Cách xử lý kết quả

Dữ liệu khảo sát sẽ được nhập và xử lý số liệu bằng Google Drive và Excel. Do chương trình thực hiện lấy ý kiến là khảo sát trực tuyến, nên toàn bộ dữ liệu thu về đều phục vụ cho việc đánh giá và không có dữ liệu bị lỗi.

3, Kết quả khảo sát

a, Tỷ lệ phần trăm (%) các ý kiến khảo sát từng khoa sẽ được trình bày trong Phần phụ lục của Báo cáo này:

Phụ lục 1: Khoa Địa chất và Khoáng sản

Phụ lục 2: Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

Phụ lục 3: Khoa Hệ thống thông tin và Viễn thám

Phụ lục 4: Khoa Môi trường

Phụ lục 5: Khoa Khí tượng, Thủy văn và Biến đổi khí hậu

Phụ lục 6: Khoa Trắc địa, Bản đồ và Thông tin địa lý

Phụ lục 7: Khoa Quản lý đất đai

b, Tỷ lệ phần trăm (%) các ý kiến khảo sát chung toàn trường (bao gồm 984 sinh viên tham gia khảo sát) như sau:

I, Chương trình của ngành/chuyên ngành đào tạo		1	2	3	4
1.	Ngành học có mục tiêu đào tạo rõ ràng, phù hợp với yêu cầu xã hội	2,0	10,4	77,4	10,2
2.	Nội dung CTĐT phù hợp với mục tiêu đào tạo	2,2	11,9	78,6	7,3
3.	Nội dung CTĐT luôn được cập nhật, đổi mới	6,2	16,7	69,8	7,3
4.	Số lượng các môn học trong chương trình phù hợp	10,4	17,1	66,1	6,4
5.	Các môn học trong chương trình được tổ chức một cách có hệ thống	13,3	28,3	54,9	3,5
6.	Tỉ lệ phân bổ khối lượng kiến thức giữa lý thuyết và thực hành hợp lý	24,6	27,8	45,9	1,7
7.	Chương trình có nhiều môn học tự chọn đáp ứng nhu cầu của người học	44,2	19,7	32,8	3,3
8.	Chuẩn đầu ra nêu rõ kiến thức, kỹ năng và phẩm chất người học cần đạt được	4,9	18	70,4	6,7
9.	Các môn học tích hợp được các kiến thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra	6,6	19,7	70,4	3,3

10.	CTĐT đảm bảo đủ năng lực liên thông lên chương trình sau đại học	6,7	28,3	61,6	3,4
<i>Trung bình</i>		<i>12,1</i>	<i>19,8</i>	<i>62,8</i>	<i>5,3</i>
II, Hoạt động dạy học – nghiên cứu khoa học		1	2	3	4
11.	Hầu hết giảng viên (GV) đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy	0	1,6	81,8	16,6
12.	Hầu hết GV có kiến thức chuyên môn tốt, cập nhật liên tục về nội dung giảng dạy	1,6	8,3	79,9	10,2
13.	Hầu hết GV có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu	6,6	19,7	68,7	5,0
14.	Hầu hết GV giảng dạy có sự liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn	1,6	11,5	78,6	8,3
15.	Hầu hết GV luôn cập nhật các phương pháp giảng dạy mới, phù hợp	9,8	18,0	63,8	8,4
16.	Trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy và học tập đầy đủ, hiện đại	44,2	19,7	32,8	3,3
17.	Nội dung kiểm tra, đánh giá sát với chương trình đào tạo	6,6	18,0	72,1	3,3
18.	Phương pháp kiểm tra, đánh giá theo năng lực, theo quá trình và theo tính chất đặc thù của môn học	0	14,7	81,8	3,5
19.	Hầu hết GV luôn động viên, thúc đẩy, tạo điều kiện để SV học tập, nghiên cứu và rèn luyện và phát triển các kỹ năng cần thiết	1,6	8,2	76,9	13,3
20.	Hoạt động giảng dạy luôn gắn với định hướng nghề nghiệp	1,6	14,7	65,5	18,2
<i>Trung bình</i>		<i>7,4</i>	<i>13,4</i>	<i>70,2</i>	<i>9,0</i>
III, Nguồn lực học tập và các hoạt động hỗ trợ		1	2	3	4
21.	Giáo trình, tài liệu được cung cấp với nội dung chính xác và cập nhật	8,2	8,2	73,7	9,9
22.	SV dễ dàng tiếp cận với các tài liệu tham khảo, trang web do GV giới thiệu	4,9	1,6	81,8	11,7
23.	Thư viện đảm bảo số lượng, chất lượng sách báo, không gian và chỗ ngồi	28,3	23,3	45,0	3,4
24.	Thiết bị công nghệ thông tin phục vụ tốt cho hoạt động giảng dạy và học tập	29,4	22,9	44,2	3,5
25.	Phòng học đảm bảo yêu cầu chỗ ngồi, âm thanh, ánh sáng và độ thông thoáng	26,6	28,3	39,9	5,2
26.	Các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ thiết thực cho học tập và nghiên cứu	27,8	18,0	49,1	5,1

VÀ
HỌC
HUYỀN
TRƯỜNG
CHÍ MINH

27.	Nhà trường có các khóa học nâng cao năng lực ngoại ngữ	18,0	26,2	52,4	3,4
28.	Nhà trường có các khóa học nâng cao trình độ công nghệ thông tin	18,0	22,9	55,6	3,5
29.	Hoạt động tư vấn học tập, nghề nghiệp cung cấp đầy đủ thông tin, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, chọn lựa và học tập của SV	9,8	19,7	67,1	3,4
30.	Cơ sở vật chất nhà trường (giảng đường, phòng thí nghiệm/thực hành, bàn ghế, các phương tiện nghe nhìn, chỗ gửi xe, vệ sinh,...) đáp ứng nhu cầu đào tạo, học tập và nghiên cứu	39,9	25,0	33,3	1,8
<i>Trung bình</i>		<i>21,1</i>	<i>19,6</i>	<i>54,2</i>	<i>5,1</i>
IV, Đánh giá chung về kết quả đào tạo		1	2	3	4
31.	Có lợi thế cạnh tranh trong công việc	16,3	36,0	44,2	3,5
32.	Có khả năng làm việc trong môi trường đa văn hóa	6,6	31,1	49,1	13,2
33.	Có khả năng tự học, tự nghiên cứu	0	9,8	81,8	8,4
34.	Chịu đựng được áp lực cao trong công việc	0	18,0	76,9	5,1
35.	Ứng dụng kiến thức vào thực tiễn	8,2	29,4	57,3	5,1
36.	Ứng dụng kỹ năng vào công việc thực tiễn				
a,	- Kỹ năng giao tiếp, truyền đạt	6,6	22,9	63,8	6,7
b,	- Kỹ năng phân tích, đánh giá, giải quyết vấn đề	1,6	26,2	68,7	3,5
c,	- Kỹ năng làm việc nhóm	1,6	15,0	74,9	8,5
d,	- Kỹ năng tổ chức, sắp xếp và quản lý công việc	3,2	18,0	75,3	3,5
37.	Tính chuyên nghiệp	8,2	34,4	54,0	3,4
38.	Sử dụng tốt ngoại ngữ	19,7	42,5	36,0	1,8
39.	Sử dụng tốt tin học	1,6	13,1	72,1	13,2
<i>Trung bình</i>		<i>6,2</i>	<i>24,7</i>	<i>62,8</i>	<i>6,3</i>

STT	Các tiêu chí quan trọng giúp sinh viên kiếm được việc làm	Xếp hạng mức độ quan trọng của tiêu chí (Từ 1 đến 16)
1	Uy tín của trường đại học (...)	1
2	Kiến thức xã hội nói chung (...)	16
3	Trình độ ngoại ngữ (...)	6
4	Trình độ công nghệ thông tin (...)	7
5	Kinh nghiệm làm việc (...)	8

6	Năng lực giao tiếp (...)	2
7	Khả năng hoạt động trong nhiều lĩnh vực (...)	9
8	Có thư giới thiệu (...)	15
9	Có ngoại hình (...)	10
10	Có cá tính (...)	13
11	Có học lực tốt (...)	3
12	Sáng tạo (...)	11
13	Có tinh thần hợp tác (...)	5
14	Nhiệt tình trong công tác (...)	4
15	Sống có lý tưởng, hoài bão (...)	14
16	Có tính bền bỉ, quả quyết (...)	12
17	Các tiêu chí khác (xin nêu rõ)	

IV, Nhận xét chung

1. Về Chương trình của ngành/chuyên ngành đào tạo

Các chương trình đào tạo của ngành/chuyên ngành được sinh viên đánh giá khá cao, chiếm 68,1% (trong đó 5,3% hoàn toàn đồng ý, 62,8% đồng ý), đáp ứng mục tiêu đào tạo và phù hợp với nhu cầu xã hội. Nội dung CTĐT được cập nhật, đổi mới, kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành. Chuẩn đầu ra phù hợp, đảm bảo năng lực làm việc sau khi tốt nghiệp, cũng như tham gia học tập và nghiên cứu khoa học tại các chương trình sau đại học,

2. Về hoạt động dạy học – nghiên cứu khoa học,

Hầu hết các GV được đánh giá có trình độ chuyên môn tốt, có phương pháp giảng dạy khoa học, thực hiện tốt đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng khuyến khích người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm. Các GV rất nhiệt tình hướng dẫn sinh viên, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn và kiến thức với SV, luôn động viên, thúc đẩy, tạo điều kiện để SV học tập, nghiên cứu và rèn luyện và phát triển các kỹ năng cần thiết,

Tuy nhiên, tỷ lệ đánh giá trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy và học tập đầy đủ, hiện đại còn thấp, chỉ 36,1% ở mức đồng ý và hoàn toàn đồng ý. Do đó, nhà trường và giảng viên cần đầu tư hơn nữa trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy để phù hợp với phương pháp giảng dạy trong thời đại mới.

3. Nguồn lực học tập và các hoạt động hỗ trợ

Đa số sinh viên đánh giá nguồn lực học tập và các hoạt động hỗ trợ ở mức tương đối, chiếm 59,3% từ mức đồng ý trở lên.

Tuy nhiên, tiêu chí *Phòng học đảm bảo chỗ ngồi, âm thanh, ánh sáng và độ thông thoáng* và tiêu chí *Cơ sở vật chất nhà trường đáp ứng nhu cầu đào tạo, học tập và*

nghiên cứu được sinh viên đánh giá khá thấp. Vì thế, cơ sở vật chất của nhà trường cần được cải thiện để nâng cao chất lượng của các hoạt động hỗ trợ việc học tập của sinh viên.

4. Đánh giá chung về kết quả đào tạo

SV tự đánh giá kết quả đào tạo của nhà trường có thể giúp SV có khả năng tự học, tự nghiên cứu, chịu được áp lực cao và ứng dụng được kỹ năng và kiến thức vào thực tiễn đáp ứng được các công việc khác nhau (69,1% đánh giá ở mức đồng ý và hoàn toàn đồng ý).

5. Các tiêu chí quan trọng giúp sinh viên ra trường kiếm được việc làm

Dựa vào bảng xếp hạng về mức độ quan trọng của các tiêu chí, dễ dàng nhận thấy SV đánh giá cao các tiêu chí như: Uy tín của trường đại học (vị trí số 1), năng lực giao tiếp (vị trí số 2), có học lực tốt (vị trí số 3)... Có thể thấy rằng, uy tín của trường đại học và năng lực cá nhân là hai tiêu chuẩn quan trọng nhất để sinh viên có thể kiếm được việc làm sau khi ra trường.

V, Kết luận:

- Kết quả khảo sát cho thấy, phần lớn các tiêu chí đưa ra được SV đánh giá ở mức “đồng ý” hoặc “phân vân”. Tuy nhiên, cũng còn nhiều ý kiến thể hiện sự không phù hợp của quá trình đào tạo mà các khoa, phòng ban, trung tâm và các đơn vị liên quan cần điều chỉnh, thay đổi cho phù hợp.

- Để nâng cao chất lượng môn học, khắc phục những hạn chế, phát huy những điểm tích cực mà SV đã có ý kiến, Phòng Khảo thí, Đảm bảo chất lượng và Thanh tra giáo dục đề nghị các đơn vị một số nội dung sau:

+ Các đơn vị cần phối hợp chặt chẽ, nghiêm túc theo đúng kế hoạch triển khai của Nhà trường;

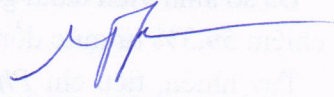
+ Các Khoa/Bộ môn cần tổ chức họp/hội thảo để rà soát lại CTĐT cho phù hợp, sát với thực tế hơn, Các GV cần nâng cao phương pháp giảng dạy của mình, lắng nghe ý kiến phản hồi của SV để điều chỉnh cho phù hợp;

+ Các Khoa nên có những lớp/buổi định hướng chuyên ngành, nghề nghiệp sớm hơn cho sinh viên với nhiều chia sẻ thực tế, đồng thời phối hợp với Phòng Công tác SV, Phòng KHCN&QHĐN, Phòng Đào tạo tổ chức các khóa tập huấn/hội thảo liên kết quốc tế, chương trình trao đổi sinh viên với các đối tác nước ngoài... để SV có cơ hội giao lưu, học hỏi, và nâng cao trình độ ngoại ngữ./.

TP. KT, ĐBCL&TTGD

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu KTĐBCL&TTGD,


Lê Thị Phụng